

# HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC THẤU CHI (Dành cho pháp nhân)

Số: ...../201.../HĐTDHM ngày .../.../201...

Hôm nay ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_\_, tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, Chúng tôi gồm có:

**▪ BÊN CẤP TÍN DỤNG (sau đây được gọi là OCB):****Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh .....**

GCN ĐKKD số :..... do ..... cấp ngày .....

Địa chỉ :.....

Điện thoại :..... Fax: .....

Do Ông/Bà :..... Chức vụ: ..... làm đại diện.

Theo Văn bản ủy quyền số:..... ngày ..... của.....

**▪ BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG (sau đây được gọi là Bên vay):****Công ty .....**

GCN ĐKKD số :..... do ..... cấp ngày .....

Địa chỉ :.....

Điện thoại :..... Fax: .....

Do Ông/Bà :..... Chức vụ :..... làm đại diện.

Theo Biên bản họp/Văn bản ủy quyền số:..... ngày ..... của.....

Chúng tôi thỏa thuận ký kết Hợp đồng này với nội dung sau:

**Điều 1. Hạn mức thấu chi**

1. OCB đồng ý cấp cho Bên vay hạn mức thấu chi có giá trị là: .....  
(Bằng chữ:.....)
2. Hạn mức thấu chi (HMTTC) là số tiền tối đa OCB chấp thuận cho Bên vay chi vượt số tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán số: ..... của Bên vay mở tại OCB (Tài khoản Thanh toán).
3. Số tiền thấu chi: là số tiền mà Bên vay sử dụng vượt số dư “Có” trên Tài khoản Thanh toán của Bên vay, không bao gồm các khoản lãi phát sinh từ việc sử dụng vượt số dư “Có”. Số tiền thấu chi tối đa của mỗi lần giao dịch bằng hiệu số giữa HMTTC với tổng số tiền thấu chi chưa được thanh toán của Bên vay tại thời điểm phát sinh giao dịch có sử dụng HMTTC.
4. Đồng tiền thấu chi: .....
5. Phương thức cho vay: cho vay theo HMTTC

**Điều 2. Thời hạn sử dụng Hạn mức thấu chi**

PTSP-KHDN/SPTC-01/MB03B

1. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: ..... tháng (từ ngày ...../...../..... đến hết ngày ...../...../.....) <sup>1</sup>. Khi hết thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi, tùy vào tình hình thực tế, nhu cầu, khả năng đáp ứng của mỗi Bên, hai Bên có thể thỏa thuận việc cấp hạn mức mới cho kỳ tiếp theo.
2. OCB và Bên vay đồng ý tạm ngừng thấu chi trên Tài khoản Thanh toán trước 01 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn sử dụng hạn mức thấu chi cho mục đích tái cấp hạn mức thấu chi và/hoặc thanh toán vốn, lãi thấu chi đúng hạn.

### Điều 3. Mục đích sử dụng HMTTC

1. Mục đích cấp HMTTC theo Hợp đồng này gồm:
  - a) .....
  - b) .....
2. Bên vay hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác hợp pháp, đúng với thỏa thuận của hai Bên tại hợp đồng này. Nếu Bên vay sử dụng sai mục đích, thì phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của OCB, trường hợp không thực hiện được theo đúng yêu cầu, thì OCB có quyền ngừng/chấm dứt cấp tín dụng và Bên vay có nghĩa vụ trả nợ trước hạn.

### Điều 4. Lãi suất thấu chi và phí thấu chi

1. Lãi suất thấu chi trong hạn: .....%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày).
2. Lãi suất thấu chi được **điều chỉnh ngay khi lãi suất cơ sở thay đổi** và được xác định như sau:  
Lãi suất thấu chi = Lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 06 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ (%)<sup>2</sup>  
Trong đó:  
Lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 06 tháng là mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND có kỳ hạn 06 tháng, lãnh lãi cuối kỳ theo biểu lãi suất Khách hàng cá nhân do OCB niêm yết trong từng thời kỳ.
3. Tiền lãi thấu chi được tính trên cơ sở lãi suất, dư nợ gốc thực tế và thời gian sử dụng HMTTC thực tế, trừ khi hai bên có thỏa thuận khác bằng văn bản. Tiền lãi được tính theo ngày, và được tính từ ngày Bên vay sử dụng HMTTC cho đến trước ngày Bên vay thực tế thanh toán hết nợ cho OCB.  
Tiền lãi trong kỳ =  $\sum(Dư\ nợ\ thấu\ chi\ cuối\ ngày\ thứ\ i) * Lãi\ suất\ thấu\ chi\ trong\ hạn/365$
4. OCB thực hiện thu phí mở, sử dụng Tài khoản Thanh toán tại OCB. Biểu phí sẽ được OCB thông báo từng thời kỳ, bao gồm loại phí sau:
  - a) Phí duy trì và quản lý tài khoản: được thu định kỳ hàng tháng vào ngày ..... hoặc thu một lần ngay khi được cấp hạn mức thấu chi cho toàn bộ thời hạn của hạn mức được cấp;

<sup>1</sup> Hạn mức thấu chi tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian tối đa 12 tháng

<sup>2</sup> ĐVKD ghi cụ thể biên độ theo phê duyệt hoặc theo quy định lãi suất thấu chi từng thời kỳ

b) Các loại phí khác được phép thu theo quy định của OCB và Pháp luật trong từng thời kỳ.

#### **Điều 5. Giải ngân theo Hạn mức thấu chi**

1. OCB chỉ giải ngân theo hạn mức thấu chi khi Bên vay đáp ứng đủ các điều kiện sau:
  - a) Bên vay đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định Hợp đồng này;
  - b) Bên vay cam kết chuyển dòng tiền về OCB theo đúng quy định của OCB;
  - c) Các điều kiện khác: .....
2. Phương thức thấu chi: bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ủy nhiệm chi, Séc chuyển khoản. Bên vay không được rút vốn thấu chi bằng tiền mặt trong mọi trường hợp. Nếu Bên vay thực hiện giao dịch vượt số dư Có trên Tài khoản Thanh toán của Bên vay thì xem như Bên vay đồng ý sử dụng HMTTC quy định tại Hợp đồng này.
3. Bên vay có trách nhiệm nhận nợ với OCB ngay khi phát sinh giao dịch có sử dụng HMTTC.

#### **Điều 6. Bảo đảm khoản vay thấu chi**

1. Các tài sản và biện pháp bảo đảm tín dụng:
  - a) Tài sản ký quỹ bằng tiền: Thực hiện theo thỏa thuận cụ thể giữa các bên.
  - b) Tài sản cầm cố, thế chấp:

<b>TT</b>	<b>Tài sản</b>	<b>Tỷ lệ cấp tín dụng tối đa/Giá trị tài sản</b>	<b>Ghi chú</b>
1		.....%	
2		.....%	
3		.....%	

Tỷ lệ cấp tín dụng tối đa trên giá trị tài sản bảo đảm có thể thay đổi theo quyết định của OCB;

- c) Tài sản khác.....;
  - d) Biện pháp bảo lãnh: .....
  - e) Hợp đồng cầm cố, thế chấp đã ký số .....<sup>3</sup>.
2. Các hợp đồng ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh khác mà Bên vay cũng như bên thứ ba đã ký hoặc sẽ ký với OCB cũng được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của Hợp đồng này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.
3. OCB có quyền lựa chọn bất kỳ biện pháp bảo đảm nào và bất kỳ tài sản bảo đảm nào để bảo đảm cho mỗi lần cấp tín dụng cũng như để xử lý tài sản nhằm thu hồi nợ (không phân biệt giá trị tài sản, thời gian đưa vào bảo đảm và thời gian đến hạn trả nợ).
4. Nội dung cụ thể về giao dịch bảo đảm được thực hiện theo thỏa thuận tại các hợp đồng bảo đảm. Việc thay đổi một hoặc một số biện pháp cũng như tài sản bảo đảm nêu tại khoản 1 của

<sup>3</sup> Có thể bổ sung các hợp đồng khác phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều này không làm ảnh hưởng đến hiệu lực và giá trị của biện pháp và tài sản bảo đảm khác.

## **Điều 7. Thanh toán gốc, lãi và phí thấu chi**

1. Thanh toán gốc: Vào cuối mỗi ngày, Bên vay đồng ý rằng OCB được quyền tự động trích bất cứ khoản tiền ghi có nào vào Tài khoản Thanh toán của Bên vay mở tại OCB để thu nợ gốc (là số tiền thấu chi mà Bên vay đã sử dụng). Số tiền gốc thấu chi được thanh toán một phần hoặc toàn bộ và phải được trả hết vào ngày cuối cùng của HMTTC hoặc khi HMTTC bị chấm dứt trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
2. Thanh toán lãi: **Vào ngày 26 hàng tháng (riêng tháng 12 là vào ngày 31), Bên vay nộp tiền vào (các) tài khoản của Bên vay tại OCB để thanh toán lãi.** Bên vay đồng ý rằng đối với số tiền lãi thấu chi sẽ được OCB tự động trích thu hàng tháng từ (các) tài khoản của Bên vay tại OCB và phải được trả hết vào ngày cuối cùng của HMTTC hoặc khi HMTTC bị chấm dứt trước hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.
3. Trường hợp Bên vay muốn thanh toán gốc và/hoặc lãi thấu chi trước ngày/thời điểm được nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, Bên vay thực hiện thao tác chuyển tiền vào Tài khoản Thanh toán của Bên vay tại OCB.
4. Trường hợp ngày đến hạn thanh toán gốc, lãi, phí hoặc ngày đáo hạn của HMTTC trùng vào ngày nghỉ theo quy định của Pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền kề ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên vay thực tế trả nợ.
5. Trường hợp Bên vay không thanh toán lãi thấu chi theo đúng thời hạn thỏa thuận, tùy thuộc vào quyết định của OCB, HMTTC của Bên vay sẽ bị tạm ngưng cho đến khi Bên vay thanh toán đầy đủ số tiền lãi thấu chi cho OCB và HMTTC còn thời hạn hiệu lực. Đồng thời, Bên vay phải trả lãi chậm trả được tính bằng số tiền lãi chậm trả nhân (x) thời gian chậm trả lãi (nhân) x 10%/năm (một năm là 365 ngày).
6. Trường hợp Bên vay không trả nợ gốc và/hoặc lãi đầy đủ và/hoặc đúng hạn, thì OCB được quyền thực hiện các việc sau:
  - a) Tự động trích tiền từ bất kỳ tài khoản nào của Bên vay tại OCB và tại các tổ chức tín dụng khác để thu nợ. Nội dung này đồng thời có giá trị là một văn bản ủy quyền không huỷ ngang của Bên vay cho OCB; theo đó OCB được yêu cầu (lập lệnh chi, ủy nhiệm chi) các tổ chức tín dụng khác để trích tiền gửi từ tài khoản của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó về tài khoản tiền gửi của Bên vay tại OCB để thu nợ;
  - b) Xử lý tài sản bảo đảm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thu hồi nợ (gồm nợ gốc, lãi, phí và các chi phí phát sinh) vào bất kỳ thời điểm nào.
7. Bên vay chịu trách nhiệm thanh toán cho OCB các khoản phí liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài khoản thấu chi theo quy định hoặc biểu phí do OCB ban hành theo từng thời kỳ.

8. OCB được quyền quyết định thứ tự thu các khoản nợ sau: Phí, tiền phạt, nợ lãi chậm trả, nợ gốc trong hạn, nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, các khoản phải trả khác (nếu có) trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
9. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền đã được cấp tín dụng, trừ trường hợp OCB chấp thuận cho trả nợ bằng loại tiền khác, thì tỷ giá quy đổi do OCB xác định vào thời điểm thu nợ và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 8. Điều chỉnh, chấm dứt Hạn mức thấu chi và thu hồi nợ trước hạn.**

### 1. Điều chỉnh HMTTC

- a) Điều chỉnh tăng HMTTC: trong thời hạn hiệu lực của hạn mức, Bên vay có thể đề nghị tăng giá trị hạn mức thấu chi. Căn cứ vào các điều kiện thực tế của Bên vay, OCB sẽ xem xét việc tăng HMTTC theo đúng quy định như khi cấp hạn mức thấu chi lần đầu.

- b) Điều chỉnh giảm HMTTC:

Trong thời gian sử dụng HMTTC, OCB được quyền đơn phương giảm HMTTC của Bên vay nếu tài sản bảo đảm bị giảm sút giá trị so với mức định giá ban đầu, không đủ đảm bảo cho hạn mức thấu chi đã cấp theo tỷ lệ OCB quy định mà Bên vay không bổ sung thêm tài sản đảm bảo trong vòng 30 ngày theo yêu cầu của OCB.

Trường hợp OCB thông báo giảm HMTTC, trong vòng ..... ngày làm việc, kể từ ngày OCB thông báo, Bên vay có nghĩa vụ trả nợ trước hạn theo yêu cầu của OCB để giảm dư nợ. Trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ trước hạn theo yêu cầu của OCB, toàn bộ số tiền thấu chi được xem là đến hạn thanh toán và Bên vay có trách nhiệm trả nợ cho OCB.

### 2. HMTTC chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn hiệu lực của HMTTC.
- b) Theo thỏa thuận của các bên.

### 3. OCB có quyền đơn phương chấm dứt HMTTC trước hạn và/hoặc, thu hồi số tiền thấu chi OCB đã cấp cho Bên vay (kể cả khi số tiền thấu chi chưa đến hạn thanh toán) khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Bên vay sử dụng HMTTC sai mục đích đã thỏa thuận tại Hợp đồng này với OCB;
- b) Bên vay không tuân thủ cam kết chuyển dòng tiền.
- c) Bên vay có quá 03 lần chậm thanh toán nợ vay thấu chi tại OCB (nợ gốc, lãi) tính từ thời điểm cấp HMTTC;
- d) Khoản cấp tín dụng làm cơ sở để cấp HMTTC quá hạn nhóm 2 trở lên hoặc không được tái cấp lại ;
- e) Giá trị TSBĐ sụt giảm nhưng Bên vay không bổ sung TSBĐ hoặc chưa hoàn tất thủ tục giảm HMTTC tương ứng trong thời gian quy định của OCB;
- f) Bên vay không đáp ứng được các điều kiện được cấp HMTTC theo quy định của OCB;

- g) Người bảo lãnh (nếu có) bị phá sản, giải thể hoặc không còn khả năng đảm bảo nghĩa vụ của Bên bảo lãnh;
- h) Bên vay phát sinh nợ nhóm 3,4,5 tại OCB và/hoặc các tổ chức tín dụng khác;
- i) Bên vay bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy phép kinh doanh, Giấy phép thành lập, hoạt động); đang tiến hành thủ tục phá sản, giải thể; ngừng hoạt động hoặc không còn khả năng thanh toán nợ đến hạn;
- j) Bên vay có thay đổi về hoạt động hoặc/và tổ chức (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, cổ phần hóa, thay đổi chủ sở hữu...) và/hoặc có thay đổi về cổ đông có quyền biểu quyết hoặc/và nhân sự chủ chốt (Người đại diện theo pháp luật, người điều hành...) có thể làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và khả năng trả nợ của Bên vay mà không được OCB chấp thuận bằng văn bản hoặc không thực hiện đúng theo yêu cầu của OCB;
- k) Người đại diện theo pháp luật, người điều hành của Bên vay và/hoặc Bên bảo đảm bị khởi tố/truy tố/xét xử về hình sự;
- l) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nội dung đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng cấp HMTTC và các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận khác với OCB.
- m) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- n) ....<sup>4</sup>

#### **Điều 9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

1. Đến ngày thanh toán nợ gốc và/hoặc lãi, nếu Bên vay chưa có khả năng trả nợ, thì phải gửi Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho OCB chậm nhất là 07 ngày làm việc trước mỗi kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc gia hạn nợ, trong đó nêu rõ khả năng, thời hạn và nguồn trả nợ và kèm theo các tài liệu chứng minh.
2. OCB xem xét, đánh giá khả năng trả nợ, nguồn trả nợ của Bên vay và các yếu tố khác mà OCB cho là cần thiết và có quyền quyết định:
  - a) Đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên vay và ký văn bản để xác định lịch trả nợ mới;
  - b) Không đồng ý cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trong trường hợp này, Bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã cam kết.

#### **Điều 10. Chuyển nợ quá hạn**

1. Các khoản nợ đến hạn (bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn) của Bên vay sẽ là nợ quá hạn trong các trường hợp sau:
  - a) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng này và không được OCB chấp thuận cơ cấu

---

<sup>4</sup> Bổ sung các điều kiện khác nếu có

lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc;

- b) Bên vay phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Khoản 3 Điều 8 của Hợp đồng này nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu của OCB. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà OCB yêu cầu Bên vay phải trả nợ trước hạn.

**2. Trường hợp các khoản nợ khác của Bên vay tại OCB bị quá hạn, khoản vay theo Hợp đồng này sẽ bị chuyển nợ quá hạn theo quy định của OCB.**

3. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển quá hạn, Bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
4. Trong trường hợp khoản vay bị quá hạn, việc thu nợ thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay và phí (nếu có) thu sau.

#### **Điều 11. Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi**

1. Trước ngày hết hạn của Hạn mức thấu chi ít nhất 30 ngày, nếu Bên vay có nhu cầu cấp lại hạn mức thấu chi thì Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị OCB xem xét.
2. OCB có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị xin cấp lại hạn mức thấu chi của Bên vay mà không cần có lý do. Nếu Bên vay được OCB đồng ý cấp lại hạn mức thấu chi thì Bên vay phải thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phí và lãi chậm trả (nếu có) của Hạn mức thấu chi đã cấp trước khi các bên thực hiện thủ tục cấp Hạn mức thấu chi mới.

#### **Điều 12. Cung cấp thông tin và kiểm tra tín dụng**

1. Bên vay có trách nhiệm cung cấp thông tin cho OCB trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này như sau:
  - a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình tổ chức, hoạt động, tài chính, tài sản của Bên vay tại bất cứ thời điểm nào theo yêu cầu của OCB; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho OCB;
  - b) Gửi cho OCB các báo cáo sau:
    - Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc báo cáo tài chính đã kiểm toán đối với trường hợp khách hàng phải lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tài chính theo hướng dẫn của OCB. Báo cáo phải gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ lập báo cáo.
    - Báo cáo giữa năm và hàng năm về tình hình sản xuất, kinh doanh;
    - Báo cáo khác liên quan đến việc sử dụng các khoản tín dụng theo phương án sử dụng vốn đã cung cấp cho OCB.



- c) Thông báo cho OCB trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi phát sinh các sự kiện sau:
- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép thành lập và hoạt động); thay đổi tên doanh nghiệp, vốn điều lệ, trụ sở chính, người đại diện, phạm vi hoạt động; thay đổi cổ đông, thành viên hợp danh, thành viên góp vốn từ 5% vốn điều lệ trở lên;
  - Thay đổi mục đích, quy mô của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được cấp tín dụng;
  - Tài sản bảo đảm không còn hoặc không còn đủ giá trị bảo đảm cho khoản tín dụng;
  - Có nguy cơ mất khả năng thanh toán hoặc phát sinh các sự kiện khác ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên vay.
2. OCB có quyền định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ, tình hình sản xuất, kinh doanh của Bên vay và các vấn đề khác có liên quan đến các khoản cấp tín dụng. Bên vay có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để OCB thực hiện việc kiểm tra, giám sát này.
3. OCB có quyền cung cấp thông tin cho Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ OCB**

1. OCB có các quyền sau:
- a) Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm (đối với các tài sản phải mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm) và tính vào số tiền nợ của Bên vay đối với OCB, trong trường hợp Bên vay và hoặc bên thứ ba chậm hoặc không mua bảo hiểm theo yêu cầu của OCB;
  - b) Ngừng giải ngân, chấm dứt cấp tín dụng cho Bên vay và thực hiện mọi biện pháp thu hồi nợ trước hạn trong trường hợp Bên vay phải trả nợ trước hạn hoặc Bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào với OCB;
  - c) Chuyển giao hoặc chuyển nhượng quyền đòi nợ và các quyền khác phát sinh từ Hợp đồng này cho bên thứ ba mà không cần phải có sự chấp thuận của Bên vay;
  - d) Các quyền khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.
2. OCB có nghĩa vụ sau:
- a) Cấp tín dụng cho Bên vay khi Bên vay thực hiện đúng các điều kiện đã thỏa thuận tại Hợp đồng này;
  - b) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của Pháp luật;
  - c) Thông báo cho Bên vay trong trường hợp chuyển nhượng quyền thụ hưởng Hợp đồng này cho bên thứ ba.
  - d) OCB có nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo quy định pháp luật.



## **Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay**

1. Bên vay có các quyền sau:
  - a) Được cấp tín dụng theo các nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng này;
  - b) Trả nợ trước hạn theo thoả thuận tại Hợp đồng này;
  - c) Từ chối các yêu cầu của OCB, nếu các yêu cầu đó không đúng với thoả thuận trong Hợp đồng này.
2. Bên vay có các nghĩa vụ sau:
  - a) Sử dụng tiền vay và các khoản tín dụng khác đúng mục đích đã thoả thuận tại Hợp đồng này;
  - b) Trả đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ (nợ gốc, lãi, phí, khoản phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí khác liên quan) theo thoả thuận tại Hợp đồng này;
  - c) Thực hiện trả nợ trước hạn đối với một phần hoặc toàn bộ dư nợ theo yêu cầu của OCB nếu phát sinh các trường hợp phải trả nợ trước hạn đã thoả thuận tại Hợp đồng này và các thỏa thuận cụ thể khác giữa hai Bên.
  - d) Thông báo và phải được OCB đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp);
  - e) Ký văn bản thoả thuận xử lý nợ với OCB trước khi thực hiện việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp; giải thể, phá sản doanh nghiệp; đồng thời phải thực hiện các thay đổi đó theo đúng điều kiện, thủ tục do OCB yêu cầu;
  - f) Mua bảo hiểm vật chất đối với tài sản bảo đảm (đối với các tài sản phải mua bảo hiểm theo thoả thuận tại Hợp đồng bảo đảm) và chuyển toàn bộ quyền thụ hưởng bảo hiểm cho OCB; mua bảo hiểm tài sản khác của Bên vay theo yêu cầu của OCB;
  - g) Cam kết sẽ bổ sung tài sản bảo đảm theo yêu cầu của OCB khi vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng này trong trường hợp cấp hạn mức thấu chi không có TSBĐ;
  - h) Phối hợp với OCB xử lý tài sản bảo đảm hoặc thực hiện các biện pháp khác để thu hồi nợ đến hạn;
  - i) Chấp nhận toàn bộ các điều kiện về nghĩa vụ của Bên vay đối với người được OCB chuyển nhượng quyền thụ hưởng hợp đồng tín dụng (bán nợ);
3. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thoả thuận tại Hợp đồng này.

## **Điều 15. Thỏa thuận khác**

1. Hợp đồng này được xác lập, điều chỉnh và giải thích theo Pháp luật Việt Nam.
2. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, các Bên sẽ giải quyết bằng hình thức thương lượng. Nếu thương lượng không thành, thì một trong các Bên

có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền<sup>5</sup> nơi có trụ sở chính hoặc nơi có chi nhánh của OCB để giải quyết.

3. Bên thua kiện có nghĩa vụ thanh toán mọi chi phí liên quan đến vụ án, bao gồm nhưng không giới hạn ở các khoản án phí, lệ phí, chi phí tố tụng, bao gồm cả phí thuê luật sư, toàn bộ phí thi hành án và các khoản chi phí liên quan khác mà Bên kia phải bỏ ra để giải quyết vụ án.
4. Hai Bên cam kết thực hiện đúng mọi điều khoản của Hợp đồng này. Các tài liệu liên quan đến Hợp đồng này như: Giấy đề nghị vay vốn; giấy đề nghị phát hành thư tín dụng, giấy cam kết sử dụng vốn vay, hợp đồng bảo đảm, khế ước nhận nợ, thông báo điều chỉnh lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và các tài liệu liên quan khác là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
5. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại  
Trường hợp Bên vay vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng này thì phải chịu khoản tiền phạt vi phạm là 08% (tám phần trăm) trên giá trị Hợp đồng này; trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 7, khoản 2 Điều 10 Hợp đồng này. Đồng thời, Bên vay phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên vay gây ra cho OCB theo quy định pháp luật.
6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ cho OCB, các nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng này và các cam kết, thỏa thuận mà Bên vay đã ký/cam kết với OCB.
7. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp đồng này, được thực hiện theo quy định của Pháp luật.
8. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN OCB**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN VAY**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

---

<sup>5</sup> Đơn vị lưu ý hiện tại bộ mẫu hợp đồng tín dụng của OCB xây dựng 02 cơ chế cho Đơn vị lựa chọn Tòa án hoặc Trọng tài thương mại. Do đó, nếu lựa chọn duy nhất cơ quan tố tụng là Tòa án thì phải thống nhất cơ quan này tại văn bản thỏa thuận, hợp đồng liên quan đến khoản cấp tín dụng này.